TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 41/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/6/2019
"V/v ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN-TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Bùi Minh Cảnh.

2- Bà Đoàn Hồng Vân .

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đen, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang: Bà Lai Thị Ngọc Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 139/2019/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 4 năm 2019 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2019/QĐXX-ST, ngày 11 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thùy T, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã N.A, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Các đương sự đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/3/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Thùy Trang trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thùy T và anh Nguyễn Văn N kết hôn với nhau vào tháng 11 năm 2017, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng cưới nhau lúc đầu có giao kết là anh N về bên vợ sống (tức là ở rể), quá trình chung sống một thời gian thì anh N không chịu sống chung với cha mẹ vợ, từ đó vợ chồng

thường cự cải nhau dẫn đến mất hạnh phúc gia đình và anh N đã bỏ về nhà cha mẹ anh sống từ tháng 12/2018 cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn nữa nên anh yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 01 người con tên Nguyễn Gia K, sinh ngày 04/10/2018, từ khi ly thân thì chị nuôi dưỡng cháu K, hiện nay cuộc sống các cháu K cũng ổn định và bản thân chị có điều kiện nuôi con. Nay chị yêu cầu xin được nuôi con và chị yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 800.000đ.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày: Anh thừa nhận theo lời trình bày của chị Trần Thị Thùy T về hôn nhân, về con chung, về tài sản và phần nợ chung nêu trên là đúng hoàn toàn.

Còn mâu thuẫn cũng có một phần, là do bên vợ bắt anh phải ở rể nhưng anh không đồng ý, từ đó xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng đã ly thân cho đến này.

Theo yêu cầu của chị T thì anh có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Nếu Tòa xử cho ly hôn thì anh cũng đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, Trần Thị Thùy T yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật là ½ mức lương tối thiểu hiện nay cụ thể 1.390.000đ : 2 = 695.000đ/tháng.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Văn N vẫn giữ nguyên ý kiến nêu trên. Ngoài ra anh không yêu cầu gì thêm.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần nội dung:

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Thùy T và anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Thùy T là giao cháu Nguyễn Gia Khương, sinh ngày 04/10/2018 cho chị Trần Thị Thùy T chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh Nguyễn Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản và nợ chung: Chị Trần Thị Thùy T và anh Nguyễn Văn N thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và bị đơn trong vụ án có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thùy T và anh Nguyễn Văn N kết hôn với nhau vào tháng 11 năm 2017, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của chị T và anh N là không hợp pháp.

Tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"1. Tòa án thụ lý đơn yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này".

Khoản 1 Điều 14 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này".

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Thùy T và anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Chị Trần Thị Thùy T và anh Nguyễn Văn N có 01 người con tên Nguyễn Gia K, sinh ngày 04/10/2018, khi ly hôn chị yêu cầu xin được nuôi con và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là ½ của mức lương tối thiểu hiện nay là 1.390.000đ : 2 = 695.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị T là có căn cứ nên chấp nhận. Bởi vì, từ khi ly thân cho đến nay chị T là người trực tiếp nuôi con, hơn nữa cháu K còn rất nhỏ, bản thân chị T không có nghề nghiệp ổn định để có tiền nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T xử giao cháu Nguyễn Gia K cho chị Trần Thị Thùy T chăm sóc, nuôi dưỡng và buộc anh Nguyễn Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu K mỗi tháng là 695.000đ, phương thức cấp dưỡng mỗi tháng cấp dưỡng 01 lần vào ngày 01 hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản và nợ chung: Chị Trần Thị Thùy T và anh Nguyễn Văn N thừa nhận không có và không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị Thùy T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số 0001751, ngày 23/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Văn N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 14, 53, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Thùy T và anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Thùy T là giao cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 04/10/2018 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh

Nguyễn Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng là 695.000đ (sáu trăm chín mươi lăm ngàn đồng), phương thức cấp dưỡng mỗi tháng 01 lần vào ngày 01 hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh N có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết chị T và anh N có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Trần Thị Thùy T và anh Nguyễn Văn N thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị Thùy T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số 0001751, ngày 23/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Văn N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị T và anh N có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/6/2019).

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- UBND xã Đông Thái;.
- Các đương sự;;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thanh Tâm